TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 12-7-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà

2. Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1983; địa chỉ: khu phố H, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1986; địa chỉ: khu phố L, thị trân Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2022, bản tự khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Phạm Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau đó, ông bà về chung sống tại địa chỉ: 3 ô 2/30, khu phố Lộc An, thị trân Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà và ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Đ có quan hệ tình

cảm với người phụ nữ khác và ông bà đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Hiện ông Đ bỏ nhà đi sống cùng với người khác, không ai còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm lẫn như cuộc sống thường ngày. Nhận thấy giữa bà và ông Đ mạnh ai lấy sống, không còn tình cảm với nhau nữa, đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có con chung tên Phạm Kim T, sinh ngày 05/02/2009, hiện đang sống cùng bà H. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn Đ:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đ biết, Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nH ông Đ vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nH vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của bà Trần Thị Thu H xin ly hôn với ông Phạm Văn Đ là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông Đ; Về con chung: 01 con chung tên là Phạm Kim Tiền, sinh ngày 05/02/2009, hiện con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và theo nguyện vọng của con chung chưa thành niên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; Về vấn đề cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nH vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H và ông Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 204 ngày 16/8/2007 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Hải, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà H thì trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt trong cuộc sống, lối sống chung không phù hợp, không thể giải quyết được nên thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và bỏ mẹ con bà H để đến sinh sống với người phụ nữ đó. Tình trạng trên kéo dài mà không thể giải quyết được nên hai bên thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bà H và gia đình đã khuyên nhủ, bỏ qua nhiều lần nH ông Đ vẫn không thay đổi. Bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đ, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà H đã giao nộp cho Tòa án. Đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông Đ đến Tòa án để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà H; cũng như thông báo để ông Đ tham gia các phiên hòa giải nH ông đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của bà H về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông Đ không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung tên là Phạm Kim T, sinh ngày 05/02/2009, hiện con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của bà H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không có yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Kim T, sinh ngày 05/02/2009 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi Đ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Văn Đ được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010080 ngày 16/12/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
-UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ MỸ DUNG

Lê Thị Quỳnh Nga Hoàng Thị Tuyết